

KINH NGHIỆM ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỊA PHƯƠNG CỦA CÁC NƯỚC ĐI TRƯỚC TRONG KHU VỰC

CN. Lư Thị Lam Giang

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hội nhập KH&CN quốc tế, Bộ KH&CN

TS. Bùi Tiến Dũng

Trường Quản lý khoa học và công nghệ, Bộ KH&CN

Tóm tắt:

Ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN địa phương của các nước trong khu vực được đưa ra trên cơ sở phân tích môi trường đầu tư thân thiện, môi trường chính sách và sự thay đổi cơ cấu kinh tế địa phương. Đồng thời, tác giả đã nghiên cứu đúc rút kinh nghiệm của các nước trong khu vực để làm sáng tỏ những chủ trương ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN ở địa phương ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

Từ khóa: KH&CN địa phương; Đầu tư phát triển; Chính sách KH&CN.

Mã số: 15122901

1. Mở đầu

Một căn cứ quan trọng cho ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN địa phương là so sánh mô hình và lộ trình phát triển của nước ta với các nước trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á đi trước, làm rõ một số nguyên nhân chủ yếu của kết quả và hạn chế trong việc thực hiện CNH, HĐH đất nước để đưa ra các khuyến nghị về chủ trương và chính sách phát triển kinh tế - xã hội địa phương và KH&CN địa phương phù hợp với quy luật, giai đoạn và các điều kiện phát triển hiện nay của Việt Nam.

Tác động mạnh mẽ nhất của KH&CN địa phương đối với phát triển đất nước là phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế. Vai trò KH&CN địa phương thể hiện trong các hoạt động như phát triển, làm chủ và tổ chức vận hành các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, kinh doanh mang lại hiệu quả trực tiếp. Việc ứng dụng KH&CN ở địa phương là tiền đề cơ bản tạo ra các sản phẩm có giá trị theo yêu cầu của thị trường, đồng thời cũng hỗ trợ khai thác các lợi thế so sánh ở địa phương (Hồ Ngọc Luật, 2013, 2014). Nhìn lại thực trạng hoạt động KH&CN thế giới từ nửa sau thế kỷ XX cho đến nay luôn cho thấy, năng lực sản xuất vượt xa nhu cầu của thị trường, các công nghệ sản xuất chỉ được đầu tư phát triển và dịch chuyển đến địa phương, khu vực, quốc gia nào có đủ các yêu cầu về lợi thế so sánh để bảo đảm khả

năng cạnh tranh của hàng hóa sản xuất ra trên thị trường thế giới và trong nước (Đặng Hữu, 2001; Vũ Trọng Lâm, 2004). Trong bài viết này, tác giả giới thiệu những nét cơ bản nhất liên quan đến kinh nghiệm của các nước trong khu vực để làm sáng tỏ những định hướng, cách thức tổ chức triển khai hoạt động ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN ở địa phương. Trên cơ sở đó liên hệ với thực tế ở Việt Nam để có những giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển KH&CN địa phương nước ta hiện nay.

2. Về mô hình và lộ trình phát triển khoa học và công nghệ địa phương ở Việt Nam trong thời gian qua

Có thể nói, trong suốt 30 năm đổi mới vừa qua, các địa phương trên phạm vi cả nước vẫn luôn trong quá trình xây dựng và hoàn thiện một mô hình ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN theo hướng kết hợp, lồng ghép hỗn hợp các mô hình phát triển chưa hoàn chỉnh, bao gồm:

- (1) Môi trường đầu tư thân thiện;
- (2) Sự lựa chọn trong chính sách công;
- (3) Thay đổi cơ cấu kinh tế.

Việc thực hiện các mô hình phát triển KH&CN này chưa đủ kiên quyết và chưa phát huy được cao nhất ưu thế của từng loại mô hình, vì nguyên nhân dễ hiểu là các mô hình này có những bộ phận mâu thuẫn, khắc chế nhau và rất khó để xác định một mô hình phát triển tổng hợp tối ưu.

Việc phối hợp các mô hình phát triển nói trên cùng với một chiến lược phát triển KH&CN địa phương phù hợp sẽ tạo ra lợi thế so sánh cho từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Đây chính là trách nhiệm của các cơ quan hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách phát triển của Đảng và Nhà nước ở địa phương.

Các số liệu thống kê kinh tế - xã hội nước ta trên các Bảng 1-3 cho thấy, lộ trình phát triển trong những năm qua, đặc biệt là từ năm 2005 đến nay của Việt Nam về tăng trưởng GDP, chuyển dịch cơ cấu ngành, phát triển các công nghệ công nghiệp trình độ cao và trung bình, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng và hiệu quả tăng trưởng đã diễn ra không nhanh hơn; về cơ bản tương tự như các nước ASEAN đi trước như Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines nhưng chậm hơn rõ rệt so với Trung Quốc ở cùng giai đoạn phát triển. Mặc dù trong hơn 20 năm qua, nước ta đã duy trì tỷ lệ đầu tư công/GDP liên tục trong khoảng từ 30% đến 45%, đạt mức cao thứ hai sau Trung Quốc. Điều đó cho thấy, chiến lược phát triển KH&CN chưa tương thích và mô hình ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN địa phương chưa hoàn toàn phù hợp với các điều kiện phát triển trong giai đoạn vừa qua.

Bảng 1. Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005-2015

	2005	2010	2011	2012	2013	2014	Ước 2015
GDP giá thực tế (nghìn tỷ VNĐ)	914,1	2.157,8	2.779,9	3.245,3	3.584,3	4.000	4.500
Tốc độ tăng GDP (%)	7,55	6,42	6,24	5,25	5,42	5,98	6,50
GDP/ người (USD)	702	1.273	1.517	1.749	1.908	2.053	2.250
XK (triệu USD)	32.447,0	72.236,7	96.905,7	114.529,2	132.032,9	150.042,0	165.000,0

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam và Báo Nhân Dân 21/10/2015

Bảng 2. Chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế của Việt Nam

đơn vị: %

Năm	Tổng số	Theo nhóm ngành		
		Nông, lâm - thủy sản	Công nghiệp - Xây dựng	Dịch vụ
2005	100	19,3	38,13	42,57
2010	100	18,89	38,23	42,88
2011	100	20,08	37,90	42,02
2012	100	19,67	38,63	41,70
2013	100	18,38	38,31	43,31
2014	100	18,12	38,50	43,38
2015	100	17,50	39,00	43,50

Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam và Báo Nhân Dân 21/10/2015

Bảng 3. So sánh tỷ trọng MVA/GDP của Việt Nam với các nước ở thời điểm phát triển tương đương

	GDP PPP/đầu người (USD)	MVA (tỷ USD)	MVA/GDP (%)
Việt Nam (2007)	2454	12,6	24,1
Trung Quốc (1998)	2330	320,0	31,8
Indonesia (1999)	2631	43,2	26,0
Philippines (1994)	2358	13,5	23,3
Thái Lan (1986)	2817	11,1	23,8

Chú thích (MVA: Manufacturing value added, giá trị sản xuất tăng thêm)

Nguồn: TS. Tô Trung Thành, Trường đại học KTQD Hà Nội - Worldbank Development Indicators (WDI) 2008

3. Kinh nghiệm ưu tiên đầu tư phát triển khoa học và công nghệ địa phương của các nước đi trước trong khu vực và so sánh với Việt Nam

Như vậy, câu hỏi đặt ra là các nước đi trước trong khu vực đã có những kinh nghiệm thành công và thất bại gì trong việc hình thành mô hình phát triển KH&CN địa phương, thực hiện chiến lược phát triển KH&CN để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đặc biệt là trong bối cảnh cạnh tranh của nền kinh tế Trung Quốc có quy mô lớn, KH&CN của các doanh nghiệp tại địa phương phát triển mạnh, đang là công xưởng sản xuất của thế giới với khả năng cạnh tranh cao trên tất cả các tầng công nghệ sản xuất. Những trình bày tóm tắt dưới đây về bối cảnh, những chính sách mà các nước công nghiệp hóa đi trước trong khu vực đã thực hiện theo những mô hình phát triển và so sánh với Việt Nam.

3.1. Nhật Bản và Hàn Quốc

Nhật Bản, Hàn Quốc tiến hành CNH, HĐH hướng vào xuất khẩu trong điều kiện chưa bị yêu cầu mở cửa nền kinh tế.

- Mô hình môi trường đầu tư thân thiện: ưu tiên áp dụng đối với doanh nghiệp ở địa phương trong nước, không ưu tiên đối với đầu tư nước ngoài;
- Mô hình sự lựa chọn trong chính sách công: ưu tiên và tạo điều kiện để các doanh nghiệp tại địa phương chủ động chiếm lĩnh thị trường đầu tư công;
- Mô hình thay đổi cấu trúc kinh tế: Tập trung cao vào đầu tư phát triển công nghệ chế tạo.

3.2. Các nước ASEAN-4 (Malaysia, Thái Lan, Indonesia, Philippines)

Các nước ASEAN - 4 tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng vào xuất khẩu trong điều kiện từng bước mở cửa nền kinh tế.

- Mô hình môi trường đầu tư thân thiện: ưu tiên áp dụng đối với doanh nghiệp tư nhân trong nước và sau đó với đầu tư nước ngoài;
- Mô hình sự lựa chọn trong chính sách công: ưu tiên nhưng không tạo lập được đầy đủ các điều kiện để doanh nghiệp tư nhân trong nước chiếm lĩnh thị trường đầu tư công;
- Mô hình thay đổi cấu trúc kinh tế: không tập trung cao vào đầu tư phát triển công nghệ chế tạo.

3.3. Trung Quốc

Trung Quốc tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng vào xuất khẩu trong điều kiện từng bước mở cửa nền kinh tế.

- Mô hình môi trường đầu tư thân thiện: ưu tiên áp dụng theo thứ tự trước hết với doanh nghiệp nhà nước ở địa phương, doanh nghiệp tư nhân địa phương trong nước, sau đó với đầu tư nước ngoài;
- Mô hình sự lựa chọn trong chính sách công: ưu tiên và tạo điều kiện để các doanh nghiệp trong nước chiếm lĩnh thị trường đầu tư công theo thứ tự trước hết với doanh nghiệp nhà nước, sau đó với doanh nghiệp tư nhân trong nước;
- Mô hình thay đổi cấu trúc kinh tế: tập trung cao vào đầu tư phát triển công nghệ chế tạo.

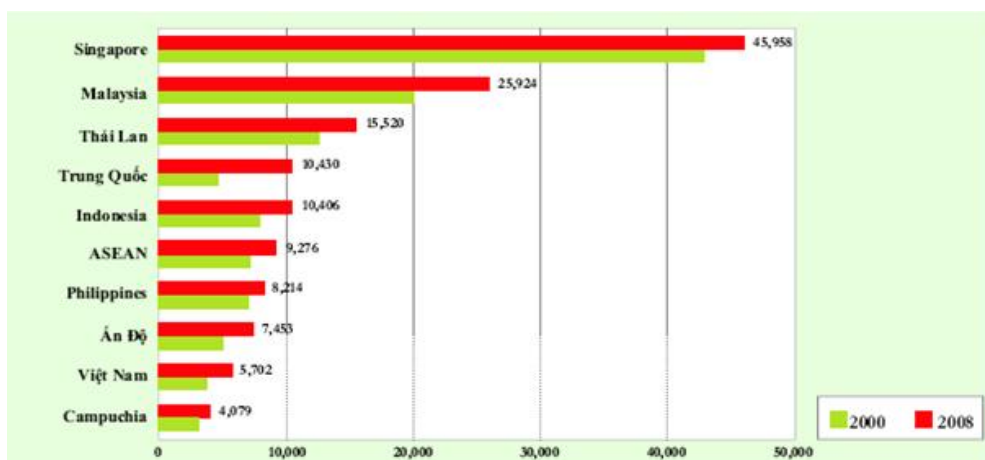
3.4. Việt Nam

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng vào xuất khẩu trong điều kiện phải nhanh chóng mở cửa nền kinh tế, hội nhập với thế giới.

- Mô hình môi trường đầu tư thân thiện: ưu tiên áp dụng theo thứ tự trước hết với doanh nghiệp nhà nước hoạt động tại các địa phương, sau đó, với đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp tư nhân trong nước. Sắp tới theo quy định của các FTA đòi hỏi sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp;
- Mô hình sự lựa chọn trong chính sách công: không hoàn toàn ưu tiên và không tạo lập được các điều kiện để các doanh nghiệp trong nước ở địa phương chiếm lĩnh thị trường đầu tư công. Sắp tới theo quy định của các FTA đòi hỏi sự bình đẳng giữa các loại hình doanh nghiệp;
- Mô hình thay đổi cấu trúc kinh tế: tập trung cao vào phát triển hạ tầng đầu tư, trong khi công nghệ chế tạo chưa được ưu tiên phát triển. Khi thực thi các FTA thời gian tới: Cơ hội đẩy mạnh chuyển dịch đầu tư phát triển công nghệ chế tạo hàng hóa tiêu dùng và nhu yếu phẩm.

Chính vì sự khác biệt về bối cảnh và trong chính sách phát triển nêu trên cũng như bất lợi về quy mô thị trường so với Trung Quốc nên quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước ASEAN-4 và Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng, tái cơ cấu nền kinh tế, chất lượng, hiệu quả tăng trưởng và sức cạnh tranh thấp hơn của các nước Nhật Bản, Hàn Quốc trước kia và Trung Quốc hiện nay. Quá trình dịch chuyển cơ cấu ngành kinh tế của Việt Nam diễn ra chậm. Năm 2015, tỷ lệ lao động trong nông, lâm nghiệp và thủy sản còn chiếm 45% lực lượng lao động nước ta, trong khi năng suất lao động của khu vực này chỉ bằng 24% khu vực công nghiệp và gần 30% khu vực dịch vụ (Bảng 4).

Trong giai đoạn từ 2008 đến nay, năng suất lao động của Trung Quốc đã vượt qua Thái Lan, GDP bình quân đầu người của Trung Quốc năm 2014 đã đạt mức 8.000 USD, gấp 8 lần năm 2000.

Bảng 4. So sánh năng suất lao động của Việt Nam với một số nước

Nguồn: Ban Hội nghị và Trung tâm Tăng trưởng và Phát triển Groningen Tổng Cơ sở Dữ liệu Kinh tế (tháng 01/2010)

Việt Nam đã ký kết các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương thế hệ mới như FTA Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - EU, Việt Nam - Nga - Belarus - Kazactan,...; thực hiện cơ chế hợp tác ASEAN + 3, ASEAN + 6 với các đối tác lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, Ấn Độ, New Zealand, Úc và tham gia hiệp định TPP với 12 quốc gia khu vực Thái Bình Dương sẽ tạo cơ hội trước hết cho tăng trưởng xuất khẩu và phát triển sản xuất các sản phẩm công nghiệp chế tạo. Tuy nhiên, về lâu dài Việt Nam sẽ gặp khó khăn trong việc phát triển sản phẩm công nghiệp chế tạo do phải mở cửa thị trường trong nước cho sản phẩm cùng loại của các nước công nghiệp hóa đi trước.

Theo quy định của các Hiệp định FTA thì Nhà nước chỉ có thể ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN địa phương thông qua hình thức hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu và chuyển giao công nghệ. Vì vậy, yêu cầu phát triển KH&CN địa phương cho giai đoạn từ nay đến 2030 là vô cùng to lớn để bảo đảm dịch chuyên cơ cấu ngành tại các địa phương, giảm tỷ lệ lao động khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản từ 45% hiện nay xuống còn 25% vào năm 2030, nâng cao năng suất lao động bình quân của cả nền kinh tế; các địa phương Việt Nam phải nỗ lực hỗ trợ ưu đãi đầu tư phát triển KH&CN trong doanh nghiệp đứng vững trước thách thức cạnh tranh quốc tế và tận dụng các cơ hội thị trường khi tham gia các hiệp định FTA và TPP.

Thay cho lời kết

Để nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN địa phương thì ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN phải bám sát được chủ trương và chiến lược công

nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng và Nhà nước, cũng như thực tế diễn biến của việc thực hiện chủ trương này. Trong giai đoạn vừa qua, lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của nước ta không đạt được mục tiêu ban đầu đã được đề ra: đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguyên nhân khách quan là do bối cảnh quốc tế không thuận lợi, nhưng nguyên nhân chủ quan là chủ yếu do luồng vốn đầu tư của Nhà nước ở Trung ương, địa phương và của xã hội còn bị phân tán vào quá nhiều mục tiêu, chưa được dẫn dắt, định hướng tập trung cho phát triển KH&CN địa phương, đặc biệt là khối doanh nghiệp sản xuất kinh doanh tại địa phương. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp và hiện đại, tăng cường kết nối mạnh mẽ để nâng cao tỷ lệ nội địa hóa của chuỗi giá trị gia tăng công nghiệp, đặc biệt là của các sản phẩm công nghiệp chế tạo có lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế và những sản phẩm đáp ứng nhu cầu đầu tư công, xây dựng hạ tầng của đất nước. Vì vậy, lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu bám đuổi các nước công nghiệp hóa đi trước trong khu vực và khoảng cách tụt hậu trong 5 năm gần đây đang có xu hướng mở rộng, ưu tiên đầu tư phát triển KH&CN địa phương còn nhiều vấn đề khó.

Thực hiện cả hai chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và KH&CN tại địa phương cần phải bám sát vào những cơ hội và thách thức to lớn của quá trình hội nhập quốc tế sâu sắc, toàn diện đối với Việt Nam trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, đề ra các chủ trương, chính sách dẫn dắt, khuyến khích các thành phần kinh tế địa phương tiếp cận, khai thác ứng dụng và đầu tư KH&CN địa phương để nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả, phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, chìa khóa để đưa các hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội và KH&CN địa phương trong giai đoạn tới trở thành hiện thực chính là việc nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển KH&CN tại các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, phục vụ thiết thực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, trên cơ sở tăng cường trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội tại địa phương. Đối với ngành KH&CN, đó là yêu cầu đẩy mạnh quá trình đổi mới cơ chế quản lý KH&CN, chuyển đổi tổ chức và hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập theo cơ chế doanh nghiệp, xóa bỏ tư tưởng bao cấp, chuyển sang hoạt động tự chủ. Yêu cầu này đòi hỏi những nỗ lực, phấn đấu rất lớn cả từ phía các tổ chức nghiên cứu KH&CN, các cơ quan quản lý nhà nước ở Trung ương, địa phương./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng cộng sản Việt Nam, các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, 2011.

2. Đặng Hữu. (2001) *Phát triển Kinh tế tri thức*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia.
3. Vũ Trọng Lâm. (2004) *Kinh tế tri thức ở Việt Nam, Quan điểm và giải pháp*. Hà Nội: Nxb Khoa học - Kỹ thuật.
4. Hồ Ngọc Luật. (2013) *Sớm điều chỉnh cơ cấu đầu tư KH&CN cho các địa phương*, Tạp chí Tia sáng online, Bộ KH&CN, số tháng 8 năm 2013.
5. Hồ Ngọc Luật. (2014) *Thu hút đầu tư xã hội cho nghiên cứu khoa học địa phương*. <http://baodatviet.vn/khoa-hoc/cong-nghe/thu-hut-dau-tu-xh-cho-nghien-cuu-khoa-hoc-dia-phuong-3224311/> Báo đất Việt, số 2014.